TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2024/KDTM-PT Ngày: 18 - 3 - 2024 V/v tranh chấp: *"Hợp đồng tín dụng".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà* **Nguyễn Thị Ngân**- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng".*

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần X. (E).

Địa chỉ: G L & D L, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L – Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP X.

Ủy quyền cho: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP X.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn N – Tổng giám đốc (Theo hợp đồng ủy quyền số: 02/2008/HĐUQ/EIB-AMC)

Người được ủy quyền lại:

- Ông Phạm Hùng S – Tổ trưởng Tổ XLN & QLKTTS khu vực miền T (Theo giấy ủy quyền số 1203 ngày 16/6/2023).

- Ông Nguyễn Quốc N1, sinh năm 1976 – Cán bộ Tổ XLN & QLKTTS khu vực miền T (Theo giấy ủy quyền số 1203 ngày 16/6/2023) (Có mặt).

Bị đơn: Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn T3.

Địa chỉ: số E Quốc lộ E, khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Minh C – sinh năm: 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: số A, Ô, khu A, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: 1 A, H, phường H, thành phố M, Tiền Giang.

Người đại diện ủy quyền: ông Võ Trọng K, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: 7 P, phường C, thành phố M, Tiền Giang.

2. Ông Lê Thành T, sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, khu C, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Nguyễn Minh C2, sinh năm: 1963 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, Ô, khu A, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, giữa ngân hàng TMCP X – chi nhánh M và công ty TNHH T3 do bà Nguyễn Thị Minh C là đại diện đã ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-201000639 ngày 20/10/2010 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201001279 ngày 26/10/2010 để vay số tiền 900.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe đầu kéo về vận chuyển hàng hóa, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 26/10/2010 đến ngày 26/10/2014, lãi suất cho vay 16,2%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, trả nợ gốc theo quý, trả lãi mỗi tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên công ty TNHH T3 đã thế chấp 01 xe đầu kéo hiệu FREIGHTLINER, màu xanh, biển số 63K-5222, số khung 63LJ52864, số máy 6E06R0723819, năm sản xuất 2008 và 01 Rơ-mooc nhãn hiệu K.R.N.G, màu xanh, biển số 63R 0138, số khung 82R0118, tải trọng 36.000kg, năm sản xuất 1995, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 299/EIB-MT/TC/2010, số công chứng 2792 quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/10/2010 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/10/2010.

Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho công ty TNHH T3 đủ số tiền 900.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ, công ty TNHH T3 không thanh tóan đủ cho ngân hàng. Đối với hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201000639 ngày 20/10/2010 thì công ty TNHH T3 còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 731.250.000 đồng, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 11/9/2023 là 233.285.785 đồng, lãi quá hạn 1.601.536.881 đồng, lãi phạt lãi 547.730.662 đồng tổng cộng là 3.113.803.328 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-201000680 ngày 08/11/2010 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201001381 ngày 09/11/2010 để vay số tiền 970.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe đầu kéo về vận chuyển hàng hóa, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 09/11/2010 đến ngày 09/11/2014, lãi suất cho vay 17,4%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, trả nợ gốc theo quý, trả lãi mỗi tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên công ty TNHH T3 đã thế chấp 01 Rơ-mooc nhãn hiệu K.R.N.G, màu xanh, biển số 63R0139, số khung 81R0120, tải trọng 36.000kg, năm sản xuất 1995 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 333/EIB-MT/TC/2010, số công chứng 2942 quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/11/2010 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại trung tâm đăng ký giao dịch bảo đẩm thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/11/2010.

Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho công ty TNHH T3 đủ số tiền 970.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ, công ty TNHH T3 không thanh tóan đủ cho ngân hàng. Đối với hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201000680 ngày 08/11/2010 thì công ty TNHH T3 còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 530.625.000 đồng, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 11/9/2023 là 530.625.000 đồng, lãi trong hạn 254.004.268 đồng, lãi quá hạn 1.267.606.370 đồng, lãi phạt lãi 597.406.415 đồng, tổng cộng là 2.649.642.053 đồng.

3. Hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-201000888 ngày 23/12/2010 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201001707 ngày 24/12/2010 để vay số tiền 725.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe đầu kéo về vận chuyển hàng hóa,

thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 24/12/2010 đến ngày 24/12/2014, lãi suất cho vay 20,4%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, trả nợ gốc theo quý, trả lãi mỗi tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên công ty TNHH T3 đã thế chấp 01 xe đầu kéo hiệu FREIGHTLINER, màu đỏ, biển số 63K-5576, số khung 69037, số máy 0977271, năm sản xuất 2008 và 01 Rơ-mooc nhãn hiệu Trung Quốc, màu xanh, biển số 63R 0132, số khung 022951, tải trọng 32.000kg, năm sản xuất 1998 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 415/EIB-MT/TC/2010, số công chứng 3406 quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/12/2010 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/8/2011.

Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho công ty TNHH T3 đủ số tiền 725.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ, công ty TNHH T3 không thanh tóan đủ cho ngân hàng. Đối với hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201000888 ngày 23/12/2010 thì công ty TNHH T3 còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 572.700.000 đồng, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 11/9/2023 là 170.954.193 đồng, lãi quá hạn 1.227.133.046 đồng, lãi phạt lãi 389.774.856 đồng, tổng cộng là 2.360.562.095 đồng.

4. Hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-201100745 ngày 22/8/2011 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201101683 ngày 23/8/2011 để vay số tiền 1.300.000.000 đồng, mục đích để vay mua nguyên liệu sản xuất bao bì và nhiên liệu phục vụ hoạt động vận chuyển, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 23/8/2011 đến ngày 23/8/2012, lãi suất cho vay 22,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, trả nợ gốc cuối kỳ, trả lãi mỗi tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên công ty TNHH T3 và bà Nguyễn Thị Kim C1 đã thế chấp căn nhà tại số A H, phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 624-110/2007/QĐ-UB.GCN 21.CĐ-191MB-HSG950 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 01/4/2008 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 210/EIB-MT/TC/2011, số công chứng 1868 quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/8/2011 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố M ngày 22/8/2011.

Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho công ty TNHH T3 đủ số tiền 1.300.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ, công ty TNHH T3 không thanh tóan đủ cho ngân hàng. Đối với hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201100745 ngày 22/8/2011 thì công ty TNHH T3 còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 14/8/2019 là 1.258.400.000

đồng, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 11/9/2023 là 285.422.223 đồng, lãi quá hạn 2.799.956.250 đồng, lãi phạt lãi 656.529.604 đồng tổng cộng là 5.042.908.077 đồng.

Hiện công ty TNHH T3 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 3.134.575.000 đồng, tiền lãi trong hạn tạm tính đến ngày 11/9/2023 là 943.666.469 đồng, lãi quá hạn là 6.896.232.547 đồng, tổng cộng là 13.166.915.553 đồng. Nay ngân hàng TMCP X yêu cầu công ty TNHH T3 có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 11/9/2023 là 13.166.915.553 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi, lãi phạt vi phạm do chậm trả sẽ được tiếp tục tính sau ngày 11/9/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ theo lãi suất được quy định trong các hợp đồng tín dụng.

Trường hợp Tòa án buộc Công ty TNHH T3 trả nợ, nhưng không trả được nợ thì ngân hàng đề nghị phát mãi tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn Công ty TNHH T3 có đại diện là bà Nguyễn Thị Minh C trình bày: Bà là người đứng tên trên danh nghĩa Công ty chứ do cha bà là ông Nguyễn Minh C2 điều hành Công ty, bà để ông Nguyễn Minh C2 toàn quyền quyết định tất cả trong vụ kiện của Ngân hàng kiện công ty V ông C2 là người trực tiếp đứng ra giao dịch với Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh C2 trình bày: Ông có thành lập công ty TNHH T3 và có nhờ con ông là Nguyễn Thị Minh C đứng tên, nhằm mục đích vay tiền tại Ngân hàng và giao cho chị Nguyễn Thị Kim C1 làm hồ sơ vay để chị C1 có vốn thành lập công ty, hàng tháng chị C1 tự đóng lãi cho Ngân hàng, mọi thủ tục vay chỉ có chị C1 giao dịch với ngân hàng. Ngân hàng kiện đồng ý trả nhưng đề nghị chị C1 có nghĩa vụ cùng với Công ty để trả nợ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Bà là vợ ông C2 đứng tên công ty trên danh nghĩa, chứ bà không biết gì về số tiền vay của Ngân hàng do ông C2 là chồng bà có làm ăn qua lại với chị Nguyễn Thị Kim C1, mọi vấn đề bà để ông C2 quyết định, bà không có ý kiến gì.

Người liên quan ông Nguyễn Thành T1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/5/2015 bà Nguyễn Thị Minh C và ông Nguyễn Minh C2 trình bày: Số tiền mà Công ty T3 vay của Ngân hàng là để cho chị Nguyễn Thị Kim C1 mượn để thành lập công ty. Toàn bộ giấy tờ Công ty cho chị C1 mượn tiền hiện do Ngân hàng lưu giữ.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/7/2015 anh Võ Trọng K đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kim C1 trình bày: Chị C1 có ký hợp đồng bảo lãnh cho Công ty T3 để vay số tiền 1.300.000.000 đồng bằng tài sản của chị C1 là căn nhà tọa lạc tại số A H, phường H, thành phố M, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 01/8/2008. Theo ông C2 khai công ty T3 vay tiền cho chị C1 mượn là không có, hiện nay Công ty T3 vẫn còn tài sản để thanh toán nợ nên đề nghị công ty T3 trả nợ và chị C1 không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện của Ngân hàng rút 01 phần yêu cầu khởi kiện: Rút yêu cầu đối với phần phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe đầu kéo hiệu FREIGHTLINER, màu đỏ, biển số 63K-5576, số khung 69037, số máy 0977271, năm sản xuất 2008 vì hiện tại chiếc xe này đã được bản án số: 05/2013/KDTM - ST ngày 16/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo công nhận chiếc xe nêu trên thuộc quyền sở hữu của chị Trần Thị Thu T2.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Minh C2 trình bày: Hiện Công ty không còn hoạt động, bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Lúc hoạt động ông là người chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Công ty. Nguyễn Thị Minh C là con gái ông chỉ đứng tên đại diện theo pháp luật của Công ty chứ toàn bộ hoạt động do ông đều hành và chịu trách nhiệm, những người trong gia đình gồm vợ ông là bà Nguyễn Ngọc H, Con rể Nguyễn Thành T1 cũng không liên quan gì đến hoạt động Công ty. Ông thống nhất số tiền nợ mà Ngân hàng đưa ra hiện Công ty còn nợ, ông chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C1 cùng liên đới trả nợ vì Công ty vay để nhằm mục đích cho bà C1 lấy tiền kinh doanh, hoạt động cho bà C1. Những tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp gồm xe, và các xe đầu kéo là của Công ty. Hiện các xe này Công an tỉnh đã yêu cầu công ty ông kéo xe về để ở Công an tỉnh T từ năm 2012 đến nay không hoạt động. Những xe mà Công ty thế chấp cho Ngân hàng là xe thật, chỉ làm giả giấy tờ xe giả để thế chấp cho hợp lệ thôi, vì khi mua xe Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/9/2023 đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim C1 ông Võ Trọng K trình bày: Giữa Ngân hàng và Công ty TNHH T3 có ký Hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-201100745 ngày 22/8/2011 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201101683 ngày 23/8/2011 để vay số tiền 1.300.000.000 đồng, mục đích để vay mua nguyên liệu sản xuất bao bì và nhiên liệu phục vụ hoạt động vận chuyển, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 23/8/2011 đến ngày 23/8/2012, lãi suất cho vay 22,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, trả nợ gốc cuối kỳ, trả lãi mỗi tháng. Để đảm bảo cho khoản vay trên

công ty TNHH T3 và bà Nguyễn Thị Kim C1 đã thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 79, tờ bản đồ số 10, diện tích 58,4m^2 và căn nhà trên đất tại số A H, phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 624-110/2007/QĐ-UB.GCN 21.CĐ-191MB-HSG950 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 01/4/2008 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 210/EIB-MT/TC/2011, số công chứng 1868 quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/8/2011 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố M ngày 22/8/2011. Bà C1 có ký hợp đồng thế chấp này, nay theo yêu cầu của Ngân hàng đề nghị phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ cho Ngân hàng bà C1 không đồng ý vì căn nhà thế chấp là tài sản của gia đình bên chồng bà C1 để lại cho Nguyễn Quốc K1 chứ không phải cho bà C1 nên không đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản vì Công ty T3 có khả năng tự trả nợ. Bà Nguyễn Thị Kim C1 cho rằng Nguyễn Quốc K1 là con ruột của bà, Nguyễn Quốc K1 hiện đang cư trú ở nước ngoài đi du học, đi từ năm 2018 đến nay. Căn nhà trên là do bà đứng tên dùm Nguyễn Quốc K1.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 228, Điều 217, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 280, Điều 317 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe đầu kéo hiệu FREIGHTLINER, màu đỏ, biển số 63K-5576, số khung 69037, số máy 0977271 hiện do bà Trần Thị Thu T2 đứng tên quyền sở hữu.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

[2.1] Buộc Công ty TNHH T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X theo hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201000639 ngày 20/10/2010 số tiền nợ gốc: 731.250.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 11/9/2023 gồm: Trong hạn 233.285.785 đồng, lãi quá hạn 1.601.536,881 đồng, lãi phạt lãi 547.730.662 đồng. Tổng cộng là 3.113.803.328 đồng.

[2.2] Buộc Công ty TNHH T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X theo hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201000680 ngày 08/11/2010 số tiền nợ gốc là 530.625.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày

11/9/2023 gồm: Trong hạn 254.004.268 đồng, lãi quá hạn 1.267.606.370 đồng, lãi phạt lãi 597.406.415 đồng, tổng cộng là 2.649.642.053 đồng.

[2.3] Buộc Công ty TNHH T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X theo hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201000888 ngày 23/12/2010 số tiền nợ gốc là 572.700.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 11/9/2023 gồm: Trong hạn 170.954.193 đồng, lãi quá hạn 1.227.133.046 đồng, lãi phạt lãi 389.774.856 đồng, tổng cộng là 2.360.562.095 đồng.

[2.4] Buộc Công ty TNHH T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X theo hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201100745 ngày 22/8/2011 số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 11/9/2023 gồm: Trong hạn 285.422.223 đồng, lãi quá hạn 2.799.956.250 đồng, lãi phạt lãi 657.529.604 đồng, tổng cộng là 5.042.908.077 đồng.

[2.5] Tổng cộng Công ty TNHH T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X theo 04 hợp đồng tín dụng với tổng số tiền nợ gốc và lãi các khoản tạm tính đến ngày 11/9/2023 là 13.166.915.553 đồng (mười ba tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm mười lăm nghìn, năm trăm năm mươi ba đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.6] Tiền lãi, lãi phạt vi phạm do chậm trả sẽ được tiếp tục tính từ sau ngày 11/9/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ theo lãi suất được quy định trong các hợp đồng tín dụng.

[3] Trường hợp công ty TNHH T3 không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị phát mãi tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

[3.1] Trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201000639 ngày 20/10/2010 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201001279 ngày 26/10/2010 thì phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 299/EIB-MT/TC/2010, số công chứng 2792 quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/10/2010 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/10/2010.

[3.2] Trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201000680 ngày 08/11/2010 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201001381 ngày 09/11/2010 thì phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 333/EIB-MT/TC/2010, số công chứng 2942 quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/11/2010 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/11/2010.

[3.3] Trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201000888 ngày 23/12/2010 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201001707 ngày 24/12/2010 thì phát mãi tài sản 01 Rơ-mooc nhãn hiệu Trung Quốc, màu xanh, biển số 63R0132, số khung 022951, tải trọng 32.000kg, năm sản xuất 1998 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 415/EIB-MT/TC/2010, số công chứng 3406 quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/12/2010 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/8/2011.

[3.4] Trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201100745 ngày 22/8/2011 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201101683 ngày 23/8/2011 thì phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 210/EIB-MT/TC/2011, số công chứng 1868 quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/8/2011 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố M ngày 22/8/2011.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/11/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim C1 có đơn kháng cáo với nội dung: Bà không đồng ý xử lý tài sản thế chấp là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 624-110/2007/QĐ-UB.GCN 21.CĐ – 91MB–HSG950 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 01/4/2008 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 210/EIB-MT/TC/2011, số công chứng 1868 quyển sổ 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/8/2011 tại phòng C4, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố M ngày 22/8/2011.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật; Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim C1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim C1,

lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là có căn cứ và phù hợp.

Bị đơn công ty TNHH T3 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh C2, bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lê Thành T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

Ngân hàng Thương mại cổ phần X (E) tại phiên tòa sơ thẩm rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản thế chấp là 01 xe đầu kéo hiệu FREIGHTLINER, màu đỏ, biển số 63K-5576, số khung 69037, số máy 0977271 hiện do bà Trần Thị Thu T2 đứng tên quyền sở hữu. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào điều 217 và điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Thời gian từ ngày 20/10/2010 đến ngày 22/8/2011 công ty trách nhiệm hữu hạn T3 (gọi tắt là công ty T3) do bà Nguyễn Thị Minh C làm đại diện đã ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản cho từng khoản vay cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-201000639 ngày 20/10/2010 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201001279 ngày 26/10/2010 để vay số tiền 900.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe đầu kéo về vận chuyển hàng hóa, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 26/10/2010 đến ngày 26/10/2014, lãi suất cho vay 16,2%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, trả nợ gốc theo quý, trả lãi mỗi tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên công ty T3 đã thế chấp 01 xe đầu kéo hiệu FREIGHTLINER, màu xanh, biển số 63K-5222, số khung 63LJ52864, số máy 6E06R0723819, năm sản xuất 2008 và 01 Rơ-mooc nhãn hiệu K.R.N.G, màu xanh, biển số 63R 0138, số khung 82R0118, tải trọng 36.000kg, năm sản xuất 1995, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 299/EIB-MT/TC/2010, số công chứng 2792 quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/10/2010 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/10/2010.

Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho công ty T3 đủ số tiền 900.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ, công ty T3 không thanh toán đủ cho

ngân hàng. Hiện công ty T3 còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 731.250.000 đồng, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 11/9/2023 là 233.285.785 đồng, lãi quá hạn 1.601.536,881 đồng, lãi phạt lãi 547.730.662 đồng tổng cộng là 3.113.803.328 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-201000680 ngày 08/11/2010 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201001381 ngày 09/11/2010 để vay số tiền 970.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe đầu kéo về vận chuyển hàng hóa, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 09/11/2010 đến ngày 09/11/2014, lãi suất cho vay 17,4%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, trả nợ gốc theo quý, trả lãi mỗi tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên công ty T3 đã thế chấp 01 Rơ-mooc nhãn hiệu K.R.N.G, màu xanh, biển số 63R0139, số khung 81R0120, tải trọng 36.000kg, năm sản xuất 1995 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 333/EIB-MT/TC/2010, số công chứng 2942 quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/11/2010 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/11/2010.

Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho công ty T3 đủ số tiền 970.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ, công ty T3 không thanh toán đủ cho ngân hàng. Hiện công ty T3 còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 530.625.000 đồng, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 11/9/2023 là 530.625.000 đồng, lãi trong hạn 254.004.268 đồng, lãi quá hạn 1.267.606.370 đồng, lãi phạt lãi 597.406.415 đồng, tổng cộng là 2.649.642.053 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-201000888 ngày 23/12/2010 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201001707 ngày 24/12/2010 để vay số tiền 725.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe đầu kéo về vận chuyển hàng hóa, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 24/12/2010 đến ngày 24/12/2014, lãi suất cho vay 20,4%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, trả nợ gốc theo quý, trả lãi mỗi tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên công ty T3 đã thế chấp 01 xe đầu kéo hiệu FREIGHTLINER, màu đỏ, biển số 63K-5576, số khung 69037, số máy 0977271, năm sản xuất 2008 và 01 Rơ-mooc nhãn hiệu Trung Quốc, màu xanh, biển số 63R 0132, số khung 022951, tải trọng 32.000kg, năm sản xuất 1998 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 415/EIB-MT/TC/2010, số công chứng 3406 quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/12/2010 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/8/2011.

Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho công ty T3 đủ số tiền 725.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ, công ty T3 không thanh toán đủ cho ngân hàng. Hiện công ty T3 còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 572.700.000 đồng, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 11/9/2023 là 170.954.193 đồng, lãi quá hạn 1.227.133.046 đồng, lãi phạt lãi 389.774.856 đồng, tổng cộng là 2.360.562.095 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-201100745 ngày 22/8/2011 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201101683 ngày 23/8/2011 để vay số tiền 1.300.000.000 đồng, mục đích để vay mua nguyên liệu sản xuất bao bì và nhiên liệu phục vụ hoạt động vận chuyển, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 23/8/2011 đến ngày 23/8/2012, lãi suất cho vay 22,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, trả nợ gốc cuối kỳ, trả lãi mỗi tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên công ty T3 và bà Nguyễn Thị Kim C1 đã thế chấp căn nhà tại số A H, phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 624-110/2007/QĐ-UB.GCN 21.CĐ-191MB-HSG950 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 01/4/2008 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 210/EIB-MT/TC/2011, số công chứng 1868 quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/8/2011 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố M ngày 22/8/2011.

Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho công ty T3 đủ số tiền 1.300.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ, công ty T3 không thanh toán đủ cho ngân hàng. Hiện công ty T3 còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 14/8/2019 là 1.258.400.000 đồng, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 11/9/2023 là 285.422.223 đồng, lãi quá hạn 2.799.956.250 đồng, lãi phạt lãi 656.529.604 đồng tổng cộng là 5.042.908.077 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần X yêu cầu công ty T3 trả số tiền nợ gốc là 3.134.575.000đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 11/9/2023 gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt. Tổng cộng là 13.166.915.553đồng. Đồng thời yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp công ty T3 không trả được nợ cho ngân hàng.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Ngân hàng và công ty T3 không kháng cáo, bà Nguyễn Thị Kim C1 kháng cáo với nội dung không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản 210/EIB-MT/TC/2011, số công chứng 1868 quyển số 04TP/CC-

SCC/HĐGD ngày 22/8/2011 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố M ngày 22/8/2011.

[4] Xét nội dung kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim C1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 22/8/2011, bà Nguyễn Thị Kim C1 ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 210/EIB-MT/TC/2011 với ngân hàng TMCP X để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay gồm: gốc, lãi vay, lãi phạt và các chi phí khác cho hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-201100745 ngày 22/8/2011 mà công ty T3 đã ký kết với ngân hàng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất là thửa số 79, tờ bản đồ số 10, diện tích 58,40m^2 và căn nhà trên đất tại số A H, phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do bà Nguyễn Thị Kim C1 đứng tên giấy chứng nhận theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 624-110/2007/QĐ-UB.GCN 21.CĐ-191MB-HSG950 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 01/4/2008. Hợp đồng thế chấp được công chứng ngày 22/8/2011 tại Phòng C3 tỉnh Tiền Giang và đăng ký thế chấp tài sản cùng ngày 22/8/2011 tại Văn Phòng Đăng ký đất đai thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Hợp đồng thế chấp tài sản đã được ngân hàng và bà Kim C1 thực hiện theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Thời điểm thế chấp, tài sản trên thuộc quyền sử dụng và sở hữu của cá nhân bà Kim C1. Tại Điều 1 của hợp đồng thế chấp thể hiện bà Kim C1 đồng ý thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của mình để đảm bảo các nghĩa vụ vay gồm: gốc, lãi vay, lãi phạt và các chi phí khác cho hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-201100745 ngày 22/8/2011 mà công ty T3 đã ký kết với ngân hàng, thời hạn thế chấp được tính từ ngày ký hợp đồng thế chấp đến khi công ty T3 trả hết nợ vay cho ngân hàng (bao gồm tiền gốc, lãi, phí, tiền phạt nếu có).

Như vậy, khi dùng tài sản của cá nhân mình thế chấp đảm bảo cho khoản vay 1.300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-201100745 ngày 22/8/2011 của công ty T3 bà Kim C1 cũng hiểu rõ nghĩa vụ của mình khi công ty T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Việc ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của bà Kim C1 để thu hồi nợ cho khoản vay của công ty T3 tại hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-201100745 ngày 22/8/2011 là có căn cứ và phù hợp. Bà Kim C1 cho rằng nhà và đất là của bên chồng bà cho con bà là Nguyễn Quốc K1, bà chỉ đứng tên dùm anh K1 nhưng bà không cung cấp được chứng cứ tài liệu gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của bà Kim C1.

Xét thấy bà Kim C1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Kim C1.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim C1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng, tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho bà Kim C1 nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 3.000.000 đồng là vượt so với qui định của pháp luật cần hoàn lại cho bà Kim C1 số tiền là 1.000.000 đồng tạm ứng án phí.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 điều 308, khoản 1 điều 148, điều 244, khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều điều 274, điều 280 và điều 317 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim C1. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe đầu kéo hiệu FREIGHTLINER, màu đỏ, biển số 63K-5576, số khung 69037, số máy 0977271 hiện do bà Trần Thị Thu T2 đứng tên quyền sở hữu.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

- Buộc Công ty TNHH T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền nợ gốc: 731.250.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 11/9/2023 gồm: Lãi trong hạn 233.285.785 đồng, lãi quá hạn 1.601.536.881 đồng, lãi phạt lãi 547.730.662 đồng. Tổng cộng là 3.113.803.328 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201000639 ngày 20/10/2010.

- Buộc Công ty TNHH T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền nợ gốc là 530.625.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 11/9/2023 gồm: Lãi trong hạn 254.004.268 đồng, lãi quá hạn 1.267.606.370

đồng, lãi phạt lãi 597.406.415 đồng. Tổng cộng là 2.649.642.053 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201000680 ngày 08/11/2010.

- Buộc Công ty TNHH T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền nợ gốc là 572.700.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 11/9/2023 gồm: Lãi trong hạn 170.954.193 đồng, lãi quá hạn 1.227.133.046 đồng, lãi phạt lãi 389.774.856 đồng. Tổng cộng là 2.360.562.095 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201000888 ngày 23/12/2010.

- Buộc Công ty TNHH T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 11/9/2023 gồm: Lãi trong hạn 285.422.223 đồng, lãi quá hạn 2.799.956.250 đồng, lãi phạt lãi 657.529.604 đồng. Tổng cộng là 5.042.908.077đồng, theo hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201100745 ngày 22/8/2011.

Tổng cộng Công ty TNHH T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X theo 04 hợp đồng tín dụng với tổng số tiền nợ gốc và lãi các khoản tạm tính đến ngày 11/9/2023 là 13.166.915.553 đồng (Mười ba tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm mười lăm nghìn năm trăm năm mươi ba đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 11/9/2023, Công ty TNHH T3 còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

4. Trường hợp công ty TNHH T3 không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các hợp đồng thế chấp tài sản:

- Trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201000639 ngày 20/10/2010 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201001279 ngày 26/10/2010 thì phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 299/EIB-MT/TC/2010, số công chứng 2792 quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/10/2010 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/10/2010.

- Trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201000680 ngày 08/11/2010 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201001381 ngày 09/11/2010 thì phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 333/EIB-MT/TC/2010, số công chứng 2942 quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/11/2010 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/11/2010.

- Trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201000888 ngày 23/12/2010 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201001707 ngày 24/12/2010 thì phát mãi tài sản thế chấp là 01 Rơ-mooc nhãn hiệu Trung Quốc, màu xanh, biển số 63R0132, số khung 022951, tải trọng 32.000kg, năm sản xuất 1998 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 415/EIB-MT/TC/2010, số công chứng 3406 quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/12/2010 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/8/2011.

- Trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng số 1501-LAV201100745 ngày 22/8/2011 và Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-201101683 ngày 23/8/2011 thì phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 210/EIB-MT/TC/2011, số công chứng 1868 quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/8/2011 tại phòng C3, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố M ngày 22/8/2011.

5.Về án phí: Công ty TNHH T3 phải chịu là 121.166.915 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim C1 phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Bà Kim C1 đã nộp 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007020 ngày 13/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên hoàn lại cho bà Kim C1 1.000.000 đồng.

H1 lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X 57.004.293 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0030382 ngày 04/12/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Tuyết Linh